

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN**  
*(Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/10/2021)*

**I. Theo tiêu chuẩn trong nước**

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Giao thông Vận tải	1.	Khai thác vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		2.	Kinh tế vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
		3.	Kinh tế xây dựng	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		5.	Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu xây dựng công trình giao thông)	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
2.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐH Quốc gia Hà Nội	6.	Tâm lý học	VNU-HCM CEA	3/2017	Đạt 90%	30/9/2017	30/9/2022
		7.	Việt Nam học	VNU-HCM CEA	3/2017	Đạt 82%	30/9/2017	30/9/2022
		8.	Quốc tế học	VNU-HCM CEA	4/2019	Đạt 88%	15/10/2019	15/10/2024
		9.	Lưu trữ học	VNU-HCM CEA	01/2020	Đạt 90%	27/4/2020	27/4/2025
3	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Quốc gia Hà Nội	10.	Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Tài chính ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2017	Đạt 96%	02/7/2018	02/7/2023
		11.	Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành kế toán	VNU-HCM CEA	01/2018	Đạt 86%	02/7/2018	02/7/2023
		12.	Kinh tế	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		13.	Kinh tế phát triển	CEA-UD	10/2020	Đạt 90 %	07/02/2021	07/02/2026
4	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	14.	Cử nhân Sư phạm Hóa học chất lượng cao	VNU-CEA	5/2018	Đạt 84%	04/4/2019	04/4/2024
		15.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	5/2018	Đạt 80%	04/4/2019	04/4/2024
		16.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		17.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		18.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	6/2021	Đạt 82%	10/9/2021	10/9/2026
		19.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		20.	Giáo dục Đặc biệt	VNU-CEA	6/2021	Đạt 90%	10/9/2021	10/9/2026
		21.	Công tác xã hội	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
5	Trường Đại học Vinh	22.	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2018	Đạt 92%	04/4/2019	04/4/2024
		23.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	12/2018	Đạt 90%	04/4/2019	04/4/2024
		24.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2018	Đạt 92%	04/4/2019	04/4/2024
		25.	Sư phạm Hóa học	CEA-UD	10/2020	Đạt 94 %	04/02/2021	04/02/2026
		26.	Giáo dục Tiểu học	CEA-UD	10/2020	Đạt 96 %	04/02/2021	04/02/2026
		27.	Luật Kinh tế	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 88%	21/6/2021	21/6/2026
		28.	Giáo dục Mầm non	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 90%	21/6/2021	21/6/2026
		29.	Kế toán	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 90%	21/6/2021	21/6/2026
6	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	30.	Điều dưỡng bậc đại học	CEA-AVU&C	01/2019	Đạt 96%	01/4/2019	01/4/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
7	Trường Đại học Sài Gòn	31.	Cử nhân Giáo dục tiểu học	VNU-HCM CEA	12/2018	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		32.	Cử nhân Sư phạm tiếng Anh	VNU-HCM CEA	03/2019	Đạt 80%	12/8/2019	12/8/2024
		33.	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	VNU-HCM CEA	03/2019	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		34.	Ngành Quản trị kinh doanh (trình độ đại học)	VNU-HCM CEA	06/2020	Đạt 84%	14/12/2020	14/12/2025
		35.	Ngành Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	06/2020	Đạt 88%	14/12/2020	14/12/2025
		36.	Tài Chính – Ngân hàng (Đại học)	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
		37.	Tài Chính – Ngân hàng (Thạc sĩ)	VU-CEA	11/2020	Đạt 80%	26/02/2021	26/02/2026
		38.	Luật	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
8	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	39.	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 82%	15/10/2019	15/10/2024
		40.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 90%	15/10/2019	15/10/2024
		41.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	VNU-HCM CEA	3/2019 10/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		42.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		43.	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 84%	27/4/2020	27/4/2025
		44.	Kế toán	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 90%	27/4/2020	27/4/2025
		45.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 86%	27/4/2020	27/4/2025
9	Khoa Quốc tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	46.	Kinh doanh quốc tế	VNU-HCM CEA	5/2019	Đạt 94%	07/10/2019	07/10/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
10	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	47.	Cử nhân Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 96%	07/10/2019	07/10/2024
		48.	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 88%	07/10/2019	07/10/2024
		49.	Dược học	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	18/5/2020	18/5/2025
11	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	50.	Kế toán	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	14/10/2019	14/10/2024
		51.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	7/2019	Đạt 90%	14/10/2019	14/10/2024
		52.	Kỹ thuật địa chất	VNU-CEA	7/2019	Đạt 90%	14/10/2019	14/10/2024
		53.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	14/10/2019	14/10/2024
		54.	Ngành Công nghệ thông tin	VU-CEA	9/2020	Đạt 90%	15/12/2020	15/12/2025
		55.	Ngành Kỹ thuật Dầu khí	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		56.	Ngành Kỹ thuật Mỏ	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		57.	Ngành Kỹ thuật Môi trường	VU-CEA	9/2020	Đạt 88%	15/12/2020	15/12/2025
		58.	Ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		59.	Ngành Kỹ thuật Tuyển khoáng	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		60.	Ngành Kỹ thuật Xây dựng	VU-CEA	9/2020	Đạt 88%	15/12/2020	15/12/2025
12	Trường Đại học Nam Cần Thơ	61.	Quản trị Kinh doanh	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		62.	Dược học	VNU-CEA	7/2019	Đạt 84%	12/10/2019	12/10/2024
		63.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		64.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	7/2019	Đạt 82%	12/10/2019	12/10/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
13	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế	65.	Cử nhân điều dưỡng	VNU-CEA	4/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		66.	Cử nhân Y tế công cộng	VNU-CEA	4/2019	Đạt 90%	12/10/2019	12/10/2024
		67.	Dược học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 90%	12/10/2019	12/10/2024
14	Trường Đại học Đồng Tháp	68.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		69.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		70.	Giáo dục tiểu học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
15	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	71.	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	4/2019	Đạt 94%	14/10/2019	14/10/2024
		72.	Cử nhân sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	4/2019	Đạt 94%	14/10/2019	14/10/2024
		73.	Cử nhân Giáo dục mầm non	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		74.	Cử nhân sư phạm Sinh học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		75.	Cử nhân sư phạm Toán	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		76.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		77.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
16	Trường Đại học Thủy lợi	78.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		79.	Quản lý xây dựng	VNU-CEA	5/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		80.	Kế toán	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		81.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		82.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		83.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		84.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		85.	Kỹ thuật Môi trường	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		86.	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026
		87.	Kỹ thuật Tài nguyên nước	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026
		88.	Kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		89.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	5/2021	Đạt 86%	09/9/2021	09/9/2026
17	Trường Đại học Hồng Đức	90.	Su phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	5/2019	Đạt 84%	14/10/2019	14/10/2024
		91.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	5/2019	Đạt 84%	14/10/2019	14/10/2024
		92.	Su phạm Toán	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		93.	Su phạm Ngữ văn	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		94.	Su phạm Lịch sử	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		95.	Quản trị Kinh doanh	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
18	Khoa Y Dược-Đại học Quốc gia Hà Nội	96.	Dược học	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 86%	14/12/2019	14/12/2024
		97.	Chuẩn trình độ đại học ngành Y Khoa	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 82%	08/10/2020	08/10/2025
19	Trường Đại học Giáo dục-ĐH Quốc gia Hà Nội	98.	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học môn Toán	VNU-HCM CEA	10/2017	Đạt 94%	19/4/2018	19/4/2023
		99.	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 94%	14/12/2019	14/12/2024
		100.	Su phạm Toán học	VNU-	8/2019	Đạt 94%	14/12/2019	14/12/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
				HCM CEA				
		101.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	14/12/2019	14/12/2024
		102.	Cử nhân ngành Sư phạm Hoá học	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		103.	Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		104.	Cử nhân ngành Sư phạm Sinh học	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		105.	Cử nhân ngành Sư phạm Vật lý	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
20	Trường Đại học Tài chính - Marketing	106.	Tài chính-Ngân hàng trình độ Thạc sĩ	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		107.	Quản trị kinh doanh trình độ Thạc sĩ	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		108.	Chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị Marketing	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		109.	Chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		110.	Chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành ngân hàng	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 98%	16/12/2019	16/12/2024
21	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	111.	Kế toán trình độ đại học	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		112.	Công nghệ Thông tin trình độ đại học	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		113.	Kỹ thuật điện	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		114.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		115.	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		116.	Kỹ thuật cơ khí	VU-CEA	10/2020	Đạt 94%	28/5/2021	28/5/2026
		117.	Luật kinh tế	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		118.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		119.	Thiết kế thời trang	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		120.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
22	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	121.	Kế toán	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 96%	06/3/2020	06/3/2025
		122.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 96%	06/3/2020	06/3/2025
		123.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 92%	06/3/2020	06/3/2025
		124.	Tài chính Ngân hàng	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 96%	24/4/2020	24/4/2025
		125.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 92%	24/4/2020	24/4/2025
		126.	Công nghệ Thực phẩm	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 96%	24/4/2020	24/4/2025
		127.	Công nghệ Thông tin	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		128.	Công nghệ Dệt, may	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		129.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
23	Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	130.	Thạc sỹ Y học Dự phòng	CEA-AVU&C	7/2019	Đạt 88%	24/4/2020	24/4/2025
		131.	Bác sỹ Răng Hàm Mặt	CEA-AVU&C	7/2019	Đạt 86%	24/4/2020	24/4/2025



STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
24	Trường Đại học Nha Trang	132.	Công nghệ chế biến thủy sản	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		133.	Kỹ thuật tàu thủy	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
25	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	134.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		135.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		136.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	11/2020	Đạt 92%	26/02/2021	26/02/2026
		137.	Luật kinh tế	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026
		138.	Kế toán	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026
26	Trường Đại học Lâm nghiệp	139.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		140.	Quản lý tài nguyên rừng	VNU-CEA	10/2019	Đạt 94%	25/3/2020	25/3/2025
		141.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		142.	Công nghệ sinh học	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		143.	Công nghệ chế biến lâm sản	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		144.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	3/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		145.	Lâm sinh	VU-CEA	3/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
27	Trường Đại học Thương mại	146.	Kế toán	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
		147.	Marketing	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		148.	Tài chính – Ngân hàng	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		149.	Đại học chính quy chất lượng cao ngành Kế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
			toán					
		150.	Đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính – Ngân hàng	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
28	Trường Đại học Ngoại thương	151.	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		152.	Kinh tế và phát triển quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		153.	Phân tích và Đầu tư tài chính	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		154.	Luật Thương mại quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		155.	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		156.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		157.	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 82%	14/9/2021	14/9/2026
		158.	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
29	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	159.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	9/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		160.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	9/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		161.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		162.	Kế toán	VU-CEA	10/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		163.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	10/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		164.	Công nghệ Chế tạo máy	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	11/6/2021	11/6/2026
		165.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	11/6/2021	11/6/2026
30	Trường Đại học	166.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	10/2019	Đạt 90%	30/3/2020	30/3/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
31	Thủ Dầu Một	167.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	10/2019	Đạt 90%	30/3/2020	30/3/2025
		168.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	10/2019	Đạt 88%	30/3/2020	30/3/2025
		169.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	30/3/2020	30/3/2025
		170.	Giáo dục học	VU-CEA	11/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		171.	Luật	VU-CEA	11/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		172.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		173.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	VU-CEA	11/2020	Đạt 92%	26/02/2021	26/02/2026
		174.	Công tác xã hội	VU-CEA	01/2021	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		175.	Kiến trúc	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	28/5/2021	28/5/2026
		176.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	01/2021	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
31	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	177.	Kế toán	VNU-CEA	10/2019	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		178.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	10/2019	Đạt 82%	27/3/2020	27/3/2025
		179.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	VNU-CEA	10/2019	Đạt 84%	27/3/2020	27/3/2025
		180.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	VNU-CEA	01/2021	Đạt 90%	05/4/2021	05/4/2026
		181.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		182.	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
32	Trường Đại học Hà Nội	183.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	9/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		184.	Ngôn ngữ Nhật	VNU-CEA	9/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		185.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	9/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		186.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	12/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		187.	Ngôn ngữ Đức	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		188.	Ngôn ngữ Pháp	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		189.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 84%	17/6/2021	17/6/2026
		190.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 84%	17/6/2021	17/6/2026
33	Trường Đại học Tây Đô	191.	Kế toán tổng hợp	VNU-CEA	12/2019	Đạt 82%	23/3/2020	23/3/2025
		192.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2019	Đạt 82%	23/3/2020	23/3/2025
		193.	Tài chính – Ngân hàng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		194.	Dược học	VNU-CEA	12/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		195.	Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		196.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	01/2021	Đạt 82%	05/4/2021	05/4/2026
		197.	Quản trị Kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		198.	Luật kinh tế	VNU-CEA	01/2021	Đạt 88%	05/4/2021	05/4/2026
34	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế	199.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		200.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		201.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
35	Trường Đại học	202.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	01/2020	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Hùng Vương	203.	Kế toán	VNU-CEA	01/2020	Đạt 82%	27/3/2020	27/3/2025
		204.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	01/2020	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		205.	Sư phạm Toán học	CEA-UD	01/2020	Đạt 86%	02/7/2020	02/7/2025
36	Trường Đại học Quy Nhơn	206.	Sư phạm Hóa học	CEA-UD	01/2020	Đạt 82%	02/7/2020	02/7/2025
		207.	Kỹ thuật điện	CEA-UD	01/2020	Đạt 84%	02/7/2020	02/7/2025
		208.	Giáo dục Tiểu học	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		209.	Giáo dục Mầm non	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		210.	Kế toán	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		211.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-UD	11/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		212.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		213.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		214.	Quản lý Nhà nước	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		215.	Giáo dục Thể chất	CEA-UD	11/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		216.	Công tác xã hội	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
37	Trường Đại học Quốc tế - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	217.	Thạc sĩ Quản lý công	VNU-CEA	6/2020	Đạt 80%	17/8/2020	17/8/2025
38	Học viện Chính sách và Phát triển	218.	Kinh tế	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 88%	08/10/2020	08/10/2025
		219.	Kinh tế Quốc tế	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 86%	08/10/2020	08/10/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		220.	Quản trị Kinh doanh	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 88%	08/10/2020	08/10/2025
39	Trường Đại học Văn Lang	221.	Kế toán	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 88%	20/11/2020	20/11/2025
		222.	Quản trị Khách sạn	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 86%	20/11/2020	20/11/2025
		223.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 90%	20/11/2020	20/11/2025
		224.	Kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 90%	15/6/2021	15/6/2026
		225.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 88%	15/6/2021	15/6/2026
		226.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 86%	15/6/2021	15/6/2026
40	Trường Đại học Hòa Bình	227.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	8/2020	Đạt 82%	15/12/2020	15/12/2025
		228.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	8/2020	Đạt 82%	15/12/2020	15/12/2025
		229.	Thiết kế đồ họa	VU-CEA	8/2020	Đạt 84%	15/12/2020	15/12/2025
41	Trường Đại học Phan Thiết	230.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
		231.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 84%	26/02/2021	26/02/2026
		232.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	11/2020	Đạt 84%	26/02/2021	26/02/2026
		233.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	11/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
42	Trường ĐH Xây dựng Miền Tây	234.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
43	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	235.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-UD	11/2020	Đạt 88 %	04/02/2021	04/02/2026
		236.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	11/2020	Đạt 86 %	04/02/2021	04/02/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
44	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	237.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
		238.	Khoa học máy tính	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
45	Trường Đại học Văn Hiến	239.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026
		240.	Quản trị khách sạn	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026
46	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ	241.	Công nghệ thực phẩm	CEA-UD	12/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
47	Trường Đại học Phenikaa	242.	Dược học	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		243.	Điều dưỡng	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		244.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		245.	Kế toán	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		246.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
48	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	247.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		248.	Tâm lý học	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		249.	Công nghệ Sinh học	VU-CEA	01/2021	Đạt 86%	26/5/2021	26/5/2026
49	Trường Đại học Hoa Lư	250.	Giáo dục Mầm Non	VU-CEA	3/2021	Đạt 86%	28/5/2021	28/5/2026
		251.	Kế toán	VU-CEA	3/2021	Đạt 84%	28/5/2021	28/5/2026
50	Trường Đại học Cần Thơ	252.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
		253.	Sư phạm tiếng Anh (trình độ đại học)	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
51	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	254.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		255.	Dược học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		256.	Răng hàm mặt	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		257.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		258.	Y học cổ truyền	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		259.	Y khoa	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
52	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	260.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
53	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	261.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	24/6/2021	24/6/2026
		262.	Kiểm toán	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	24/6/2021	24/6/2026
		263.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	24/6/2021	24/6/2026
54	Học viện Ngoại giao	264.	Quan hệ Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		265.	Kinh tế Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		266.	Luật Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	08/6/2021	08/6/2026
		267.	Truyền thông Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		268.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	08/6/2021	08/6/2026



STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
55	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	269.	Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/8/2021	30/8/2026
		270.	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế học	VU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/8/2021	30/8/2026
		271.	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản lý công và chính sách bằng tiếng Anh	VU-CEA	4/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
56	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	272.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		273.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2021	Đạt 82%	10/9/2021	10/9/2026
		274.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		275.	Kỹ thuật môi trường	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
57	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	276.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		277.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		278.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		279.	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026

## II. Theo tiêu chuẩn nước ngoài

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường ĐH Công nghệ - ĐH Quốc gia	1.	Cử nhân chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin	AUN-QA	2009	Đạt	09/01/2010	08/01/2014
		2.	Cử nhân thuộc nhiệm vụ chiến lược ngành Điện tử viễn thông	AUN-QA	2013	Đạt	10/5/2013	09/5/2017

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Hà Nội	3.	Cử nhân thuộc nhiệm vụ chiến lược ngành Khoa học máy tính	AUN-QA	2014	Đạt	29/01/2015	28/01/2019
2.	Trường ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	4.	Cử nhân chất lượng cao ngành Kinh tế đối ngoại (nay là Kinh tế quốc tế)	AUN-QA	2010	Đạt	08/01/2011	07/01/2015
		5.	Cử nhân thuộc nhiệm vụ chiến lược ngành Quản trị Kinh doanh	AUN-QA	2014	Đạt	29/01/2015	28/01/2019
3.	Trường ĐH Khoa học tự nhiên- ĐH Quốc gia Hà Nội	6.	Cử nhân khoa học ngành Hóa học	AUN-QA	2012	Đạt	05/6/2012	04/6/2016
		7.	Cử nhân khoa học ngành Toán học	AUN-QA	2013	Đạt	25/6/2013	24/6/2017
		8.	Cử nhân khoa học ngành Sinh học	AUN-QA	2013	Đạt	25/6/2013	24/6/2017
		9.	Cử nhân khoa học ngành Vật lí	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2019
		10.	Cử nhân khoa học ngành Địa chất học	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2019
		11.	Cử nhân khoa học ngành Khoa học môi trường	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2019
		12.	Địa lý Tự nhiên	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		13.	Khí tượng	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		14.	Cử nhân ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		15.	Cử nhân ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		16.	Cử nhân ngành Máy tính và Khoa học Thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	05/9/2020	04/9/2025
4.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội	17.	Cử nhân chất lượng cao ngành Sư phạm Tiếng Anh	AUN-QA	2012	Đạt	05/6/2012	04/6/2016
		18.	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2013	Đạt	19/01/2014	18/01/2018
		19.	Thạc sĩ lý luận và phương pháp giảng dạy Bộ môn tiếng Anh	AUN-QA	9/2016	Đạt	05/11/2016	04/11/2020

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		20.	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh (CLC)	AUN-QA	2018	Đạt	20/01/2019	19/01/2024
		21.	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Đức	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
		22.	Ngôn ngữ học	AUN-QA	2013	Đạt	19/02/2014	18/02/2018
5.	Trường ĐHKH XH&NV - ĐH Quốc gia Hà Nội	23.	Đông phương học	AUN-QA	2015	Đạt	19/6/2016	18/6/2019
		24.	Triết học	AUN-QA	2016	Đạt	14/3/2017	13/3/2021
		25.	Văn học	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		26.	Cử nhân ngành Xã hội học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		27.	Cử nhân ngành Tâm lý học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		28.	Cử nhân ngành Lịch sử	AUN-QA	2019	Đạt	09/6/2020	08/6/2025
6.	Khoa Luật – ĐH Quốc gia Hà Nội	29.	Luật học	AUN-QA	2016	Đạt	07/11/2015	06/11/2020
		30.	Chương trình đào tạo ThS. Pháp luật về quyền con người	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		31.	Cử nhân ngành Luật Kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	02/3/2020	01/3/2025
7.	Trường ĐHKH XH&NV - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	32.	Cử nhân Việt Nam học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
		33.	Ngữ văn Anh	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
		34.	Quan hệ Quốc tế	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		35.	Báo chí	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
		36.	Văn học	AUN-QA	2016	Đạt	14/12/2016	13/12/2021
		37.	Công tác xã hội	AUN-QA	2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		38.	Thạc sỹ Việt Nam học	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		39.	Giáo dục học	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		40.	Thạc sỹ Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
8.	Trường ĐH Quốc tế - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	41.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
					2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2021
		42.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
					2017	Đạt	05/01/2017	04/11/2021
		43.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2012	Đạt	14/01/2013	13/01/2017
					2017	Đạt	05/01/2017	04/11/2021
		44.	Điện tử viễn thông	AUN-QA	2013	Đạt	03/5/2013	02/5/2017
		45.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
		46.	Kỹ thuật Y sinh	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
				ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2025
		47.	Thạc sỹ Công nghệ Sinh học	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2022
		48.	Thạc sỹ kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		49.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
50.	Tài chính ngân hàng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023		
51.	Kỹ thuật Xây dựng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		52.	Kỹ thuật Điện tử- Truyền thông	ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2021
		53.	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		54.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
9.	Trường ĐHKH Tự nhiên - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	55.	Hóa học	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		56.	Sinh học	AUN-QA	2017	Đạt	30/11/2017	29/11/2022
		57.	Thạc sỹ Công nghệ Sinh học	AUN-QA	2018	Đạt	12/11/2018	11/11/2023
		58.	Công nghệ Sinh học	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		59.	Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
10.	Trường ĐH Bách khoa - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	60.	Cơ Điện tử	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		61.	Kỹ thuật Hàng không	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		62.	Vật liệu tiên tiến	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		63.	Polime – Composite	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		64.	Viễn thông	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
65.		Hệ thống Năng lượng		CTI	2014	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
66.		Xây dựng dân dụng và năng lượng		CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
67.		Kỹ thuật Chế tạo		AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
68.		Kỹ thuật xây dựng Dân dụng và Công nghiệp		AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
69.		Kỹ thuật Hóa học		AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
70.		Khoa học máy tính		ABET	2013	Đạt	2014	2019
71.		Kỹ thuật máy tính		ABET	2013	Đạt	2014	2019
72.		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	09/11/2018
73.		Quản lý công nghiệp		AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	09/11/2018
74.		Kỹ thuật Điện-Điện tử (CTTT)		AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019
75.		Kỹ thuật hệ thống công nghiệp		AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019
76.		Cơ kỹ thuật		AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019
77.		Điện – Điện tử (bao gồm tất cả các CTĐT của Khoa Điện-Điện tử)		AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
78.		Kỹ thuật Môi trường		AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
79.		Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (chuyên ngành tư vấn quản lý quốc tế - EMBA-MCI)		FIBAA	2009	Đạt	24/9/2010	23/9/2015
					2015	Đạt	27/11/2015	26/11/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		80.	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (Maastricht School of Management-MSM)	ACBSP	2010	Đạt	14/11/2010	2020
				AMBA	2016	Đạt	2016	2018
				IACBE	2010	Đạt	5/2010	2017
		81.	Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022
		82.	Kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2018	Đạt	25/01/2018	24/01/2023
		83.	Thạc sĩ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
11.	Trường ĐH Kinh tế Luật-ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	84.	Tài chính Ngân hàng	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		85.	Kinh tế đối ngoại	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		86.	Kinh tế học	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
		87.	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	07/4/2017	06/4/2021
		88.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2018	Đạt	25/01/2018	24/01/2023
		89.	Luật dân sự	AUN-QA	2018	Đạt	25/01/2018	24/01/2023
		90.	Kinh tế và Quản lý công	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2023
12.	Trường ĐH Công nghệ Thông tin - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	91.	Hệ thống thông tin	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2021
		92.	Truyền thông và mạng máy tính	AUN-QA	2018	Đạt	25/01/2018	24/01/2023
		93.	Khoa học Máy tính	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
13.	Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	94.	Ngân hàng – Tài chính	AUN-QA	2013	Đạt	12/7/2013	11/7/2017
		95.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2020
		96.	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2020

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		97.	Kinh doanh quốc tế	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		98.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		99.	Thạc sĩ ngành Kinh doanh	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		100.	Thạc sĩ ngành Kinh tế phát triển	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
14.	Trường ĐH Bách khoa – ĐH Đà Nẵng	101.	Chương trình Chất lượng cao PFIEV ngành Kỹ thuật cơ khí – chuyên ngành Sản xuất tự động	CTI	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
				CTI ENAAE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		102.	Chương trình Chất lượng cao PFIEV ngành Kỹ thuật điện – chuyên ngành Tin học công nghiệp	CTI ENAAE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		103.	Chương trình Chất lượng cao PFIEV ngành Công nghệ thông tin – chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm	CTI ENAAE	2014	Đạt	2014	19/02/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		104.	Chương trình tiên tiến ngành Điện tử-Viễn thông (ECE)	AUN-QA	2016	Đạt	14/11/2016	13/11/2020
		105.	Chương trình tiên tiến ngành Hệ thống nhúng (ES)	AUN-QA	2016	Đạt	14/11/2016	13/11/2020
		106.	CTĐT Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2018	Đạt	5/5/2018	4/5/2023
		107.	CTĐT Kỹ thuật Điện – Điện tử	AUN-QA	2018	Đạt	5/5/2018	4/5/2023
		108.	Kỹ thuật Dầu khí	AUN-QA	2018	Đạt	5/5/2018	4/5/2023
		109.	Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2018	Đạt	5/5/2018	4/5/2023
110.	Kiến trúc	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023		
111.	Kinh tế xây dựng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023		
112.	Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023		
113.	Kỹ thuật cơ khí – Chuyên ngành Cơ khí Động lực	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025		



STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		114.	Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
		115.	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
		116.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
15.	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	117.	Tin học công nghiệp	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2022
		118.	Hệ thống thông tin và truyền thông	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2022
		119.	Cơ khí hàng không	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2022
		120.	Truyền thông và mạng máy tính	AUN-QA	2013	Đạt	06/5/2013	05/5/2017
		121.	Chương trình tiên tiến cơ điện tử	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
		122.	Chương trình tiên tiến kỹ thuật y sinh	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
		123.	Chương trình tiên tiến khoa học và kỹ thuật vật liệu	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
		124.	Kỹ thuật cơ điện tử	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
		125.	Kỹ thuật điện tử truyền thông	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
		126.	Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
		127.	Khoa học và kỹ thuật vật liệu	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
		128.	Kỹ thuật Điện	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
129.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025		
130.	Kỹ thuật Cơ khí động lực	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025		
131.	Kỹ thuật Sinh học	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
16.	Trường ĐH Xây dựng	132.	Kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) – ngành Cơ sở hạ tầng giao thông	CTI	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
				CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		133.	Kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) – ngành Kỹ thuật đô thị	CTI	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
				CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		134.	Kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) – ngành Xây dựng công trình thủy	CTI	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
				CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
17.	Trường ĐH Cần Thơ	135.	Kinh tế nông nghiệp	AUN-QA	2013	Đạt	15/7/2013	14/7/2017
		136.	CTTT Nuôi trồng thủy sản	AUN-QA	2014	Đạt	15/11/2014	14/11/2018
		137.	CTTT Công nghệ sinh học	AUN-QA	2014	Đạt	15/11/2014	14/11/2018
		138.	Kinh doanh Quốc tế	AUN-QA	2018	Đạt	27/8/2018	27/8/2023
		139.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2018	Đạt	27/8/2018	27/8/2023
18.	Trường ĐH FPT	140.	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2019	Đạt	21/11/2019	20/11/2029
19.	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	141.	Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		142.	Công nghệ kỹ thuật Cơ - Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		143.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		144.	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	AUN-QA	12/2016	Đạt	04/4/2017	03/4/2022
		145.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - truyền thông	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		146.	Công nghệ Chế tạo máy	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		147.	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		148.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		149.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		150.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		151.	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		152.	Công nghệ May	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		153.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		154.	Công nghệ kỹ thuật in	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
20.	Trường ĐH Y tế Công cộng	155.	Thạc sỹ Y tế công cộng	AUN-QA	2016	Đạt	22/3/2016	21/3/2020
		156.	Thạc sỹ Quản lý bệnh viện	AUN-QA	2016	Đạt	24/01/2017	23/01/2021
		157.	Cử nhân Y tế công cộng	AUN-QA	2017	Đạt	23/02/2018	22/02/2023
21.	Trường ĐH Hoa Sen	158.	Marketing	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	15/9/2025 (Đến 15/9/2019 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện và có báo cáo ĐBCL 2 năm 1 lần)
		159.	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	
		160.	Quản trị nhân lực	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	
		161.	Kế toán	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	
		162.	Tài chính – Ngân hàng	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	
		163.	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		164.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024
22.	Trường ĐH Thủy lợi	165.	Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023
		166.	Kỹ thuật tài nguyên nước	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023
23.	Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	167.	Chương trình cử nhân khoa học và công nghệ	HCERES	2016	Đạt	20/3/2017	20/3/2022
24.	Trường ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (IUH)	168.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		169.	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		170.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		171.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		172.	Kế toán	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		173.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		174.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		175.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
25.	Trường ĐH Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh	176.	Thú y	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
		177.	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
26.	Trường ĐH Ngoại thương	178.	Chương trình chất lượng cao Kinh tế đối ngoại	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		179.	Chương trình chất lượng cao Quản trị kinh doanh quốc tế	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		180.	Chương trình chất lượng cao Ngân hàng và tài chính	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
			quốc tế					
		181.	Chương trình chất lượng cao Kinh tế quốc tế	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
27.	Trường ĐH Duy Tân	182.	Kỹ thuật Mạng	ABET	2018	Đạt	8/2019	30/9/2025
		183.	Hệ thống Thông tin Quản lý	ABET	2018	Đạt	8/2019	30/9/2025
		184.	Công nghệ Kỹ thuật Điện Điện tử	ABET	2019	Đạt	8/2020	30/9/2026
27	Trường ĐH Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	185.	Quản trị Kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		186.	Kế toán	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		187.	Kiểm toán	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		188.	Kinh doanh quốc tế	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		189.	Marketing	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
28	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	190.	Quốc tế học	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		191.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
29	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	192.	Sư phạm Vật lý	AUN-QA	2018	Đạt	20/12/2019	19/12/2024
30	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	193.	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		194.	Khoa học môi trường	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		195.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		196.	Tài chính ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
31	Trường ĐH Trà	197.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	22/11/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Vinh	198.	Kinh tế	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	22/11/2024
		199.	Tài chính Ngân hàng	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	22/11/2024
		200.	Kế toán	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	22/11/2024
		201.	Thủy sản	AUN-QA	2019	Đạt	30/11/2019	29/11/2024
		202.	Thú y	AUN-QA	2019	Đạt	30/11/2019	29/11/2024
32.	Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn	203.	Quản trị kinh doanh	IACBE	2019	Đạt	30/3/2020	30/4/2027
33.	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	204.	Cử nhân ngành Tài chính	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
		205.	Cử nhân ngành Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
34.	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	206.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		207.	Tài chính Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		208.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		209.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
35	Trường ĐH Thủ Dầu Một	210.	Kỹ thuật điện	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		211.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		212.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		213.	Hóa học	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
36	Trường ĐH	214.	Kỹ thuật Điện và Máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Việt Đức	215.	Tính toán kỹ thuật và Mô phỏng trên máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		216.	Cơ điện tử và Công nghệ cảm biến	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
37	Trường ĐH Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	217.	Y khoa	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026
		218.	Dược học	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026

(Danh sách có 497 chương trình, bao gồm: 279 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn trong nước; 218 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài).

#### Ghi chú:

Stt	Chữ viết tắt	Tên tổ chức
1.	VNU-CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội
2.	VNU-HCM CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
3.	CEA-UD	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng
4.	CEA-AVU&C	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
5.	VU-CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh
6.	AUN-QA	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
7.	CTI	Commission des Titres d'Ingénieur (Ủy ban Văn bằng Kỹ sư Pháp)
8.	ABET	Accreditation Board for Engineering and Technology (Hội đồng Kiểm định Kỹ thuật và Công nghệ, Hoa Kỳ)
9.	ACBSP	Accreditation Council for Business Schools and Programs (Hội đồng Kiểm định các trường và chương trình đào tạo về kinh doanh, Hoa Kỳ)

10.	FIBAA	Foundation for International Business Administration Accreditation (Quỹ Kiểm định các chương trình quản trị kinh doanh quốc tế)
11.	AMBA	Association of MBAs (Hiệp hội MBA)
12.	IACBE	International Accreditation Council for Business Education (Hội đồng kiểm định quốc tế các trường đại học đào tạo ngành Kinh doanh)
13.	ENAAE	European Network for Accreditation of Engineering Education (Mạng lưới kiểm định đào tạo kỹ thuật của châu Âu)
14.	HCERES	Hội đồng cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp
15.	ASIIN	Tổ chức kiểm định các chương trình đào tạo khối ngành kỹ thuật, công nghệ thông tin, khoa học tự nhiên và toán học.